TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2024/HS-ST Ngày: 22-4-2024	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

Ông Trương Thành Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Cao Thị Thanh D, sinh năm 1978, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp 4, xã TPT, huyện TT, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn Sao và bà Võ Thị G; Chồng là Võ Văn Th, sinh năm 1980 (đã ly hôn); Có 02 người con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2009; anh chị em ruột: 06 người.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện CĐ Đông Long An.

Người đại diện: Ông Hồ Văn T – chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tám: Chị Nguyễn Thị Kiều D1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu 1B, thị trấn CĐ, huyện CĐ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Kiều D1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu 1B, thị trấn CĐ, huyện CĐ, tỉnh Long An (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thu V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 245 ấp 1, xã TPT, huyện TT, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 7 giờ ngày 11/6/2023 Cao Thị Thanh D phát hiện dưới nền đất trước cửa phòng trọ tại Ấp 6, xã TPT, huyện TT có 1 thẻ ATM Ngân hàng Agribank và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thu V, sinh năm 1979 ngụ Ấp 1, xã TPT, huyện TT, tỉnh Long An nên nhặt lên và cất giữ. Đến khoảng 08 giờ ngày 12/6/2023, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong thẻ ATM nên D lấy thẻ ATM nêu trên đến trụ ATM Ngân hành Agribank huyện TT để rút tiền nhưng không được do không biết được mật khẩu thẻ ATM. Đến khoảng 08 giờ ngày 15/6/2023, D đeo khẩu trang y tế, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 62H1-309.05, đem theo thẻ ATM và Căn cước công dân nêu trên đến quầy giao dịch Ngân hàng Agribank Rạch Kiến thuộc Ấp 5, xã Long Hòa, huyện CĐ, tỉnh Long An giả là chị V để ký rút tiền trong thẻ ATM nhưng D ký tên không giống với chữ ký của chị V nên không rút được. D tiếp tục đi đến quầy giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện CĐ Đông Long An tại khu phố 1A, thị trấn CĐ, huyện CĐ giả làm chị V để lừa dối nhân viên giao dịch ngân hàng làm thủ tục rút tiền mặt tại quầy giao dịch. D đeo khẩu trang, ký giả chữ ký của chị V và yêu cầu rút số tiền 77.000.000 đồng. Khi kiểm tra đối chiếu chữ ký với tài khoản mà chị V đã đăng ký, chị Nguyễn Thị Kiều D1, là nhân viên giao dịch Ngân hàng tin tưởng đúng D là chủ tài khoản nêu trên nên đồng ý cho D rút tiền. Sau khi rút được tiền, D mang thẻ ATM và căn cước công dân nêu trên bỏ vào thùng rác ven đường hương lộ 21 thuộc Ấp 5, xã Phước Tuy, huyện CĐ. Số tiền chiếm đoạt được, D nộp vào tài khoản ngân hàng Agribank của D số 6602205115051 với số tiền 42.400.000 đồng. Sau đó, D chuyển trả nợ hết 34.112.000 đồng, trong thẻ còn lại 8.288.000 đồng. Số tiền mặt còn lại là 34.600.000 đồng, D trả nợ và đóng hụi hết 12.400.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân 2.200.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng D cất giữ. Sau khi phát hiện số tiền trong tài khoản bị chiếm đoạt, chị V trình báo Ngân hàng và báo Công an, qua mời làm việc D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện CĐ có tạm giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 62H1-309.05; 01 (một) nón bảo hiểm dạng nữa đầu màu đỏ, kết phía trước màu đen, giữa nón có 01 sọc đen và 02 sọc trắng hai bên, trước nón có chữ SAVA màu đỏ; 01 (một) áo khoác vải màu vàng chanh; 01 (một) đôi dép kẹp nữ màu đỏ; 01 (một) thẻ ATM số 9704051001840621 mang tên Cao Thị Thanh D, 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13, vỏ màu xanh, màn hình cảm ứng, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, bên trong có sim số 0931290749 do Cao Thị Thanh D giao nộp. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 62H1-309.05 là của chị Võ Huỳnh Thúy V (con của D) nên Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu. Số tài sản còn lại là tài sản cá nhân của D, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho D.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi chị Nguyễn Thu V trình báo Ngân hàng về việc bị chiếm đoạt tiền trong thẻ thì chị Nguyễn Thị Kiều D1 đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thu V số tiền 77.000.000 đồng. Bị cáo D đã bồi thường lại cho chị D2 số tiền 77.000.000 đồng. Chị V, chị D2 và Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện CĐ, Đông Long An không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSCĐ ngày 15/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ đã truy tố Cao Thị Thanh D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65; c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Thị Thanh D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm. Bị cáo thuộc gia đình hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Cao Thị Thanh D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã nêu và đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là không oan, đúng người, đúng tội, biết hành vi của bị cáo là sai. Bị cáo không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo bị cáo biết bản thân sai do một phút suy nghĩ nông nổi nên mới phạm tội. Bị cáo xin lỗi chị V.

Chị Nguyễn Thu V: Không tranh luận, đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều D1 là người đại diện theo ủy quyền của Bị hại và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của chị D2, không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt chị D2.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được như biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định và qua thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 11/6/2023, Cao Thị Thanh D nhặt được 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và 01 căn cước công dân của chị Nguyễn Thu V thì D nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong thẻ ATM của chị V nên cất giữ thẻ ATM và căn cước công dân trên. Đến ngày 12/6/2023, D lấy thẻ ATM trên đến cây ATM để rút tiền nhưng không biết được mật khẩu thẻ nên không rút được. Đến ngày 15/6/2023, D giả làm chị V đeo khẩu trang đem theo thẻ ATM và căn cước công dân của chị V đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện CĐ, Đông Long An tại thị trấn CĐ, huyện CĐ, tỉnh Long An, D đến quầy giao dịch của chị Nguyễn Thị Kiều D1 đưa thẻ ATM và căn cước công dân của chị V và yêu cầu rút số tiền 77.000.000 đồng. Chị D2 sau khi kiểm tra thấy nét chữ ký và chữ viết của D có nét tương đồng với chữ ký của chị V trên hệ thống nên đã tin tưởng đồng ý làm thủ tục cho D rút số tiền 77.000.000 đồng trong tài khoản của chị V. D sử dụng số tiền trên để trả nợ, đóng hụi và tiêu xài cá nhân với số tiền 48.712.000 đồng, còn lại 28.288.000 đồng cất giữ. Qua làm việc Cao Thị Thanh D đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền 77.000.000đồng của Ngân hàng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Cao Thị Thanh D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ đã truy tố bị cáo Cao Thị Thanh D ra trước Tòa án nhân dân huyện CĐ để xét xử về tội danh và điều luật trên là có căn cứ

[4] Căn cứ quyết định hình phạt:

[4.1] Về lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về mặt vật chất mà còn gây ảnh hưởng xấu cho trật tự an toàn xã hội ở địa phương, xâm phạm pháp luật hình sự, bị cáo là người đã thành niên và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động nên bị cáo đã có hành vi gian dối, giả làm chị Nguyễn Thu V chủ tài khoản thẻ ATM mà bị cáo nhặt được để chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn thôn Việt Nam – chi nhánh huyện CĐ Đông Long An. Do vậy, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo và đại diện bị hại đã có đơn bãi nại đề nghị không xử lý cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.4] Về áp dụng hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn thôn Việt Nam – chi nhánh huyện CĐ Đông Long An; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét trong vụ án này bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện nay một mình bị cáo đang trực tiếp nuôi con nhỏ nếu bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì một phần nào đó ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng ổn định, từ trước đến nay không vi phạm quy định gì tại địa phương, bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương theo dõi, giám sát giáo dục cũng có thể cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt. Nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Xét trách nhiệm dân sự: Chị D2 đại diện Ngân hàng và chị V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Cao Thị Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cao Thị Thanh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cao Thị Thanh D Xử 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, được cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án (22/4/2024).

Giao bị cáo Cao Thị Thanh D cho Ủy ban nhân dân xã TPT, huyện TT, tỉnh Long An để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Cao Thị Thanh D vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cao Thị Thanh D nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám